

TƯ LIỆU

THÊM MỘT TƯ LIỆU QUÝ GIÁ THỜI CHÚA NGUYỄN: VĂN BIA CHIÊU PHI NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN (do Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh soạn)

Võ Vinh Quang*

1. Lời dẫn

Trong quá trình nghiên cứu về mỹ thuật thời chúa Nguyễn, nhóm nghiên cứu của Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế đã phát hiện nhiều tư liệu và hiện vật có giá trị về thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Những tư liệu độc đáo ấy không những góp phần giải mã các vấn đề về biểu tượng mỹ thuật của thời kỳ các chúa Nguyễn trấn nhậm Nam Hà vốn được xem là khuyết thiếu, mà còn góp phần không nhỏ trong việc bổ sung nhiều dấu tích liên quan đến lịch sử, văn hóa, văn học nghệ thuật... ở miền Trung nói chung, cũng như cung cấp thêm nhiều thông tin quý giá cho các tài liệu lịch sử của từng dòng họ nói riêng.



Toàn cảnh khu mộ của Chiêu phi Nguyễn Thị Ngọc Liên ở Trầm Sơn, Hải Sơn, Hải Lăng, Quảng Trị.

Trước nay, khi nói đến tư liệu văn bia hiện tồn đề cập trực tiếp đến vua chúa, phi tần thời chúa Nguyễn, chúng ta chỉ mới biết đến văn bia về *Chiêu Nghi Trần Thị Xạ* (1716-1750) - phi tần của Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát - được đặt trang trọng trước khu mộ của bà ở đồi Dương Xuân (phía gần cạnh chùa Từ Hiếu). May mắn, với đợt điền dã thực địa vừa qua, chúng tôi phát hiện thêm khu lăng mộ và bài văn bia còn tương đối nguyên vẹn của *Chiêu phi Nguyễn Thị Ngọc*

Liên (1685-1725) - cung phi yêu quý của Minh Vương Nguyễn Phúc Chu - tọa lạc tại khu vực Trầm Sơn, xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Qua bài viết này, chúng tôi xin được giới thiệu cụ thể về nội dung và một số giá trị của văn bia kể trên.

2. Vài nét về văn bia “*Tiền triều Nguyễn Chiêu phi Liệt phu nhân mộ chí minh*”

Văn bia “*Tiền triều Nguyễn Chiêu phi Liệt phu nhân mộ chí minh*” (từ đây xin gọi tắt là *văn bia Chiêu phi*) hiện nằm tại khu lăng mộ bà Chiêu phi ở khu vực Trầm Sơn làng Lương Điền (xưa là làng Lương Phước), xã Hải Sơn, huyện Hải

* Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế.



Bia mộ Chiêu phi với dòng chữ:
*Tiền triều Nguyễn Chiêu phi
Liệt phu nhân chi mộ.*

Văn bia *Tiền triều
Nguyễn Chiêu phi
Liệt phu nhân mộ chí minh.*

“*Tiền triều Nguyễn Chiêu phi Liệt phu nhân mộ chí minh*”. Văn bia Chiêu phi được làm bằng chất liệu cẩm thạch trắng, với kích thước 98 x 45cm. Đây là loại hình bia “tam sơn”, trán bia cách điệu với motif biểu tượng “*lưỡng phụng triều nguyệt*”⁽¹⁾ đặc trưng cho hệ thống bia của vương phi, công chúa thời chúa Nguyễn. Diềm bia ở hai bên khá mảnh. Chân bia cách điệu bằng hình kỷ hà. Bia được đặt trang trọng trên đế bia vuông vức. Toàn văn bia gồm 17 dòng chữ Hán khắc chân phương, khá sâu; dòng ít nhất 9 chữ, dòng nhiều nhất 40 chữ. Một điều khá đáng tiếc là văn bia không còn nguyên vẹn. Cụ thể, dòng chữ thứ 2 trên bia (từ phải qua) bị bể mất một mảnh đá ứng với khoảng 4 chữ Hán bị khuyết thiếu. Ngoài ra, hai bên phải - trái của văn bia cũng hằn lên những vết rạn nứt (may mắn là không ảnh hưởng đến chữ Hán phía trong).

Chúng tôi xin chép lại nguyên văn và phiên âm, dịch nghĩa toàn văn bài văn bia này như sau:

Nguyên văn

前朝阮昭妃烈夫人墓誌銘

昭妃前朝之宮嬪左中奇潤澤侯之長女也諱卞，號玉蓮姓阮氏，以正和乙丑……笄以姿色才行，選入宮掖，婉辭愉色從容環珮，睿情垂覽，不覺怡然，陪輦隨輿，日荷恩寵。雖六宮粉黛殊少鴈行也。每燕見言笑晏宴春風。自生性和樂，與人無忤色。雖不啻鵲羹而大小宮娥獎譽。不厭嚴于訓子，進止周旋，動必由禮。雖眷渥日深，而接見儔侶韶光和氣藹如也。嗚呼！以貫魚之列，而有幽閑之德。以褱衣之寵，而無矜大之色。是宜：添海屋之仙籌，煥天衢之寶婺，而年不稱德。倏爾六如，悠悠彼蒼胡可問也。保泰乙巳四月，軒后乘龍。昭妃攀髯弗逮，顧影自悲，花顏憔悴。以七月初十日，奄忽長逝，春秋四十有一。欽命贈封昭妃烈夫人，彰先寵也。

徐惠妃之玉顏奄謝，還奉昭陵

慎夫人之花影不留，終歸霸寢。

嗚呼！哀哉！以是年秋葬于居化山。昭妃生一男曰晟明侯，於前朝公子為第八，今為掌奇者也。晟明侯追念蓼莪，酬恩無路，以昔時襄事，未克如願。爰卜地于福江之良福社大蔡，既從慈靈是依。以景興丁卯七月二十四日辰時改窆于茲，新宅坐子向午兼癸丁，非敢驚動泉局。蓋欲安厝先親，而綏厥後人者也。恐歲月逾邁，懿範無徵，用播芳徽刻之于石。又為之銘曰：

圓嶠月輝
弱水雲飛
噫嘻昭妃
一去莫追
福江之原
諒惟新宅
溪山明媚
靈颺嘉客
噫嘻昭妃
舍此奚適

景興八年歲次丁卯七月二十四日

孝男福禮立石。禮部兼吏部香名侯阮登盛拜撰

姑蘇國子監太學生候選州司馬陳夫祿書丹。福建石工高公萬鐫石

Phiên âm

TIỀN TRIỀU NGUYỄN CHIÊU PHI LIỆT PHU NHÂN MỘ CHÍ MINH

Chiêu phi, tiên triều chi cung tần, Tả Trung cơ Nhuận Trạch hầu chi trưởng nữ dã, húy Biện, hiệu Ngọc Liên, tính Nguyễn thị, dĩ Chính Hòa Ất Sửu,⁽²⁾ kê dĩ tư sắc, tài hạnh; tuyển nhập cung dịch, uyển từ du sắc, thung dung hoàn bội, duệ tình thùi lẫm, bất giác dĩ nhiên, bồi liễn tùy dư, nhật hà ân sủng. Tuy lục cung phần đại, thù thiếu nhạn hàng dã. Mỗi yển kiến, ngôn tiểu yển xuân phong. Tự sinh tính hòa lạc, dĩ nhân vô ngũ sắc. Tuy bất chuyết thương canh nhi đại tiểu cung nga tưởng dự. Bất yếm nghiêm vu huấn tử, tiến chỉ chu toàn, động tất do lễ. Tuy quuyến ác nhật thâm, nhi tiếp kiến trù lữ thiều quang hòa khí ái như dã.

Ô hô! Dĩ quán ngư chi liệt, nhi hữu u nhàn chi đức; Dĩ huy y chi sủng, nhi vô cãng đại chi sắc. Thị nghi: Thiêm hải ốc chi tiên trù, hoán thiên cù chi Bảo Vụ, nhi niên bất xứng đức. Thúc nhĩ lục như, du du bỉ thương hồ khả vấn dã. Bảo Thái Ất Tý tứ nguyệt, Hiên Hậu thừa long. Chiêu phi phàn nhiệm phát đãi, cố ảnh tự bi, hoa nhan tiêu tụy. Dĩ thất nguyệt sơ thập nhật am hốt trường thệ, xuân thu tứ thập hữu nhất. Khâm mệnh tặng phong Chiêu phi Liệt phu nhân, chương tiên sủng dã.

Từ Huệ phi chi ngọc nhan yêm tạ, hoàn phụng Chiêu lăng.

Thận phu nhân chi hoa ảnh bất lưu, chung quy Bá tẩm.

Ô hô! ai tai! dĩ thị niên thu táng vu Cư Hóa sơn.

Chiêu phi sinh nhất nam, viết: Thanh Minh hầu, ư tiên triều công tử vi đệ bát, kim vi Chương cơ giả dã. Thanh Minh hầu truy niệm lục nga, thù ân vô lộ, dĩ tích thời tương sự vị khắc như nguyên. Viên bốc địa vu Phước Giang chi Lương Phước xã đại thái, ký tông từ linh. Thị y dĩ Cảnh Hưng Đinh Mão thất nguyệt nhị thập tứ nhật Thìn thời cải biếm vu tư. Tân trạch tọa Tý hướng Ngọ kiêm Quý Đinh, phi cảm kinh động tuyên cực. Cái dục an thổ tiên thân nhi tụy quyết hậu

nhân giả dã. Khủng tuế nguyệt du mại ý phạm vô trưng, dụng bá phương huy, khắc chỉ vu thạch. Hựu vi chi minh viết:

Viên Kiệu nguyệt huy
 Nhược thủy vân phi
 Y hy Chiêu phi
 Nhất khứ mạc truy
 Phước Giang chi nguyên
 Lượng duy tân trạch
 Khê sơn minh mỹ
 Linh tiên gia khách
 Y hy! Chiêu phi!
 Xá thử hề thích

Cảnh Hưng bát niên tuế thứ Đinh Mão thất nguyệt nhị thập tứ nhật, hiếu nam Phước Lễ lập thạch.

Lễ Bộ kiêm Lại Bộ Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh bài soạn.

Cô Tô Quốc Tử Giám Thái học sinh Hậu Tuyển châu, Tư Mã Trần Phu Lộc thư đàn.

Phúc Kiến thạch công Cao Công Vạn tuyên thạch.

Dịch nghĩa

TIỀN TRIỀU NGUYỄN CHIÊU PHI LIỆT PHU NHÂN MỘ CHÍ MINH

Chiêu phi là cung tần của tiền triều,⁽³⁾ húy Biện, hiệu Ngọc Liên, trưởng nữ của Tả Trung cơ Nhuận Trạch hầu⁽⁴⁾ họ Nguyễn, sinh năm Ất Sửu, niên hiệu Chính Hòa thứ 6 [1685] Đến tuổi cập kê, với tài sắc vẹn toàn, được tuyển vào cung. Phi có chất giọng thánh thót như oanh vàng, dung nhan rạng ngời long lanh như châu ngọc. Phi thường theo hầu xa giá [Minh Vương], được ngày thêm ân sủng. Tuy nội cung nhiều nữ lưu xinh đẹp,⁽⁵⁾ nhưng hiếm người sánh kịp với phi. Mỗi khi yết kiến, phi nói cười tươi tắn như gió xuân thì. Tính tình vui vẻ nhẹ nhàng, không hề có chút kiêu căng, khinh mạn. Dầu nội cung chẳng dễ điều hòa mọi việc,⁽⁶⁾ nhưng cung tần tất thấy đều ngợi khen. Phi dạy con nghiêm túc hết lòng, chu toàn theo đúng lễ. Tuy ngày càng được yêu chiều sủng ái,⁽⁷⁾ song đối đãi với bạn bè vẫn chan hòa gần gũi mến thương.

Ô hô! Là bậc quán xuyến nội cung,⁽⁸⁾ Chiêu phi giữ tính tình dịu dàng, trang nhã. Được sủng ái như bậc mẫu nghi thiên hạ,⁽⁹⁾ nhưng không hề tự khoe khoang tài sắc của mình. Ấy nên: Phi như người tiên ở cõi tiên, nhà biển,⁽¹⁰⁾ sánh như sao Vực Nữ⁽¹¹⁾ quý báu giữa tầng trời, mà [đất trời cho sống đến] muôn tuổi vẫn chưa tương xứng đức hạnh của phi. Hốt nhiên cuộc đời mộng ảo,⁽¹²⁾ trời xanh dằng dặc, đâu thể tỏ tường.

Tháng 4 năm Ất Tỵ, niên hiệu Bảo Thái [1725], Minh Vương băng hà,⁽¹³⁾ Chiêu phi ai điều tiên vương, bởi chẳng kịp “theo râu rồng”,⁽¹⁴⁾ nên buồn bã khiến dung nhan tiêu tụy. Đến mồng 10 tháng 7 cùng năm, phi bỗng từ giã cõi đời, hưởng dương 41 tuổi, được khâm mệnh tặng phong *Chiêu phi Liệt phu nhân*, đó là sự ân sủng lớn lao vậy.

Sánh như ngọc thân của *Từ Huệ phi*⁽¹⁵⁾ khi mất được chôn ở Chiêu lăng,⁽¹⁶⁾ hoa ảnh của *Thận phu nhân*⁽¹⁷⁾ khi về trời được quay về Bá tửm. Ô hô! Ôi thôi! Vào mùa thu năm ấy [1725], [ngọc thân của] Chiêu phi được an táng ở núi Cư Hóa.

Chiêu phi sinh được một nam là *Thanh Minh hầu*, công tử thứ 8 của tiền triều [tức con của Minh Vương Nguyễn Phúc Chu], nay giữ chức Chuông cơ. *Thanh Minh hầu* luôn nhớ nghĩ đến đức cù lao của đấng sinh thành,⁽¹⁸⁾ mà mong ước đáp đền vẫn chưa từng hoàn thành tâm nguyện. [Ông] bèn chọn đất tại Phước Giang thuộc xã Lương Phước, [với địa thế như] rùa thần,⁽¹⁹⁾ rồi cải táng linh cữu của mẹ mình đến vùng đất mới vào giờ Thìn, ngày 24 tháng 7 năm Đinh Mão, niên hiệu Cảnh Hưng [1747], tọa Tý hướng Ngọ kiêm Quý Đinh, không dám kinh động tuyên cuộc... Ấy là điều mong muốn được chôn cất mẫu thân quá cố, để mãi mãi nối đời cho con cháu về sau. Vì sợ năm tháng trôi qua, những điều tốt đẹp này không còn lưu dấu, nên ghi vài lời khắc vào bia đá. Lại có bài minh rằng:

*Viên Kiệu⁽²⁰⁾ trắng soi
Nước chảy mây trôi
Chiêu phi! Ôi thôi!
Một đi mất rồi
Chọn vùng Phước Giang
Thực ngôi nhà mới
Núi sông rặng đồi
Gió thần phấp phới
Chiêu phi! Ôi thôi!
Chốn này đi tới*

[Bia lập vào] ngày 24 tháng 7 năm Đinh Mão, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 8 [29/8/1747].

Hiếu nam Phước Lễ dựng bia.

Lễ Bộ kiêm Lại Bộ Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh bái soạn.

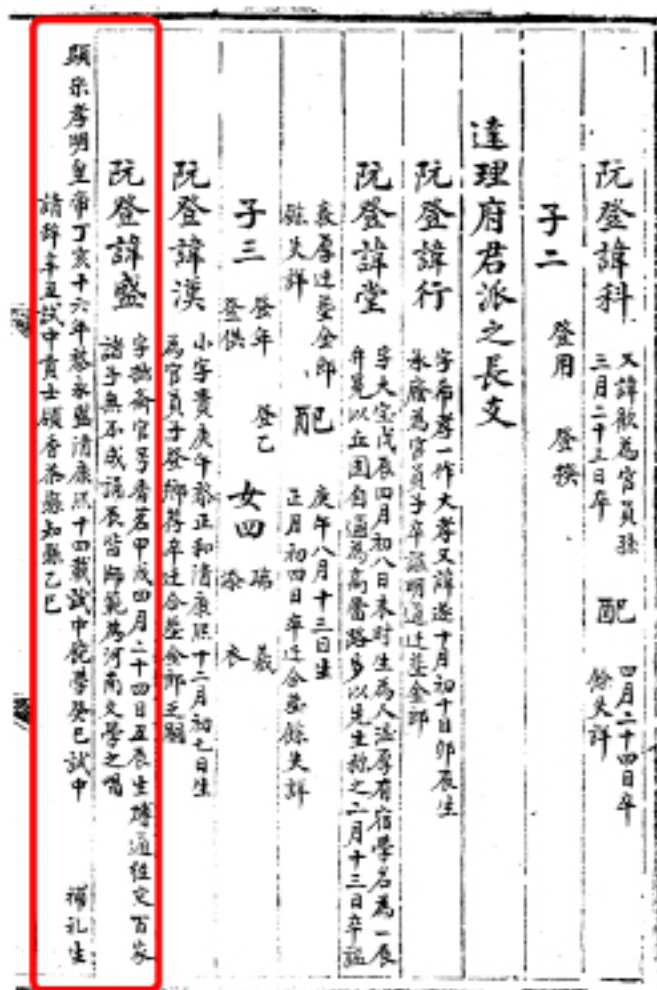
Quốc Tử Giám Thái học sinh ở châu Hậu Tuyền⁽²¹⁾ đất Cô Tô là Tư Mã Trần [tự] Phu Lộc⁽²²⁾ viết chữ.

Thợ đá Phúc Kiến là Cao Công Vạn khắc bia.

3. Một số nhận định về giá trị của văn bia Chiêu phi

3.1. Vài nét về tác giả văn bia Chiêu phi

Văn bia Chiêu phi được một nhân vật tài ba kiệt xuất đương thời là Lễ Bộ kiêm Lại Bộ, Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh vâng mệnh bái soạn. Theo các sách *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, *Phủ biên tạp lục*, *Nguyễn Đăng tộc phả*... Nguyễn Đăng Thịnh có tên tự là Hương, hiệu Chuyết Trai, người làng An Hòa, tổng An Hòa, huyện Hương Trà, xứ Thuận Hóa thời Lê Trung hưng (nay là làng An Hòa, phường An Hòa, thành phố Huế), sinh ngày 24 tháng 4 năm Giáp Tuất (dương lịch: 17 tháng 5 năm 1694). Ông là con thứ tư của ông Nguyễn Đăng Trị và bà thứ phối họ Nguyễn (khuyết tên)⁽²³⁾ và là anh trai con bác của Tân Minh hầu Nguyễn Cư Trinh,⁽²⁴⁾ có tư chất thông minh, nhanh nhẹn, nhớ lâu, học rộng, văn học siêu quần từ nhỏ. Từ sau khi đỗ Hương tiến khoa Tân Sửu (1721), Nguyễn Đăng Thịnh kinh qua nhiều chức vụ quan trọng trong chính triều các chúa (Minh Vương Nguyễn Phúc Chu [ở ngôi 1691-1725], Ninh Vương Nguyễn Phúc Thụ [1725-1738], Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát [1738-1765] như Tri huyện Hương Trà, Văn Chức Viện, Thị giảng Đông cung thế tử năm 1725 (tức Thế tử Nguyễn Phúc Khoát), Cai bạ Quảng Nam, Nha úy. Đặc biệt, khi chúa Vũ Nguyễn Phúc Khoát xưng Quốc vương năm 1744, thiết lập chính thức vương quốc Đàng Trong đối lập với vua Lê chúa



Tiểu sử Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh
trong gia phả họ Nguyễn Đăng - An Hòa
(Do Trưởng tộc Nguyễn Đăng Anh cung cấp).

Trịnh ở Đàng Ngoài, với tân chế độ được xây dựng nên đều có công lao rất lớn của Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh. “Cũng vì có công đầu làm Kim sách tấn tôn, Đăng Thịnh được trao Lễ Bộ kiêm Lại Bộ. Phàm những chế độ mới đặt như triều nghi, phục sắc, bàn lễ khảo văn, phần nhiều do Đăng Thịnh tán định”.⁽²⁵⁾ Năm Ất Hợi (1755), ông mất khi còn tại chức, thọ 62 tuổi, được truy tặng Tham nghị, Chính trị Thượng khanh, vinh phong “Tán trị công thần”, được triều đình cho nhiều tiền lụa để hậu táng. Nguyễn Đăng Thịnh là người xuất chúng trong nhiều lĩnh vực, cũng là thầy dạy của Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát. Công lao và tài năng của ông được các đời chúa Nguyễn khen ngợi, tôn vinh. Hương Danh hầu để lại khá nhiều trước tác cho đời.⁽²⁶⁾

3.2. Tổng quan về giá trị của văn bia Chiêu phi

Văn bia Chiêu phi Nguyễn Thị Ngọc Liên có giá trị đặc biệt trong việc cung cấp các thông tin quan trọng cho quá trình

tìm hiểu về thời chúa Nguyễn trên nhiều lĩnh vực. Đóng góp ấy có thể thấy rõ ở các vấn đề sử liệu, vấn đề trình độ học thuật của các bậc trứ danh (như Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh) cũng như bổ khuyết thêm chứng cứ cho thấy rõ một số thành tựu của nền văn học nghệ thuật ở Đàng Trong. Bên cạnh đó, khu lăng mộ Chiêu phi (trong đó có văn bia Chiêu phi) hiện nay còn giữ được hầu như nguyên vẹn những nét đặc trưng của nền mỹ thuật thời chúa Nguyễn ở Nam Hà, một nền mỹ thuật gắn liền với một “triều đại” tồn tại khá dài trong lịch sử Việt Nam nhưng lâu nay chưa được giới nghiên cứu xem xét, đánh giá một cách cụ thể, xác đáng nhất.⁽²⁷⁾

Những đóng góp cụ thể về thông tin, tư liệu của văn bia và lăng mộ Chiêu phi có thể kể sơ lược như sau:

- Cung cấp một kiểu kiến trúc với địa thế và mỹ thuật đặc trưng, góp phần không nhỏ cho việc nghiên cứu về mỹ thuật, kiến trúc thời chúa Nguyễn.

- *Nội dung và nghệ thuật sử dụng ngôn từ* trong văn bia Chiêu phi của tác giả Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh thể hiện rõ nét tính uyên bác, điêu luyện với văn phong sắc sảo của tầng lớp trí thức tinh thông Nho-Phật-Lão, nắm vững và vận dụng uyển chuyển, sắc sảo tư tưởng, trí tuệ của Tứ thư, Ngũ kinh, Bách gia chư tử... đương thời. Sự uẩn súc của ngôn từ sử dụng trong văn bia cho thấy phần nào tài năng của giới quan lại, sĩ phu ở Đàng Trong không hề thua kém so với giới sĩ phu Đàng Ngoài thời Lê-Trịnh. Mặc dù văn bia không dài, lượng chữ không nhiều, nhưng ý tứ ẩn tàng sau các lời văn với điển tích, điển cố điêu luyện cũng tạo nên nhiều “hấp lực” gây tò mò, thích thú cho độc giả.

Chẳng hạn, ở câu văn: *“Thị nghi: Thiêm hải ốc chi tiên trù, hoán thiên cù chi Bảo Vụ, nhĩ niên bất xứng đức. Thúc nhĩ lục như, du du bỉ thương hồ khả vấn dã. Bảo Thái Ất Tỵ tứ nguyệt, Hiền Hậu thừa long. Chiêu phi phân nhiệm phát đãi, cố ảnh tự bi, hoa nhan tiêu tụy...”*, chúng ta thấy hệ thống điển tích, điển cố được sử dụng một cách dày đặc (*hải ốc tiên trù, thiên cù Bảo Vụ, lục như, du du bỉ thương, Hiền Hậu thừa long, phân nhiệm phát đãi*) với đầy đủ các ngọn nguồn kinh điển của Nho, Phật, Lão... nhưng không khiến cho câu văn trở nên khó tiếp cận đối với độc giả; Ngược lại, sự điêu luyện trong vận hành điển tích kết hợp với tính đăng đối, phối kết nhịp nhàng “tính nhạc” ở đoạn này đã tạo nên một âm điệu du dương lôi cuốn người tiếp nhận.

Do vậy, văn bia này xứng đáng được coi là một trong những công trình tư liệu tiêu biểu, thể hiện rõ trình độ học vấn uyên thâm của Lễ Bộ kiêm Lại Bộ Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh nói riêng và cho giới văn sĩ ở Nam Hà nói chung ở các thế kỷ XVI-XVIII.

- Đóng góp thêm một tư liệu thực tế quan trọng cho việc nghiên cứu dòng họ Nguyễn Phúc (bổ khuyết thông tin về *Chiêu phi Nguyễn Thị Ngọc Liên* cùng người con là *Thạnh Minh hầu Nguyễn Phước Lễ* - công tử thứ 8 của Minh Vương Nguyễn Phúc Chu), cũng như góp phần chứng thực tài năng uyên bác của Nguyễn Đăng Thịnh vốn dĩ chỉ được *Phủ biên tạp lục, Nam Hà tạp lục, Nam hành ký* nhắc chép lại.

- Cung cấp thêm tư liệu cho thấy dấu ấn của việc dùng người tài năng trong các lĩnh vực cụ thể thời chúa Nguyễn (những người viết chữ và khắc bia đều là người Hoa).

- Gợi mở thêm nhiều hướng nghiên cứu thực địa tiếp theo (như khảo sát các vùng ven, “phá vỡ” tư duy khảo sát các địa bàn quen thuộc, gợi mở hướng quan tâm hơn nữa cho công tác điều tra khảo sát các làng xã ở Việt Nam)...

4. Thay lời kết

Trong hệ thống văn khắc Hán Nôm thời chúa Nguyễn, văn bia Chiêu phi có một vị thế rất quan trọng. Văn bia này không những đóng góp nhiều tri thức cho các ngành nghiên cứu chuyên trách như sử học, văn hóa học, văn học nghệ thuật mà còn hỗ tương, bổ khuyết những thông tin liên quan đến các gia tộc cụ thể trên đất Thuận Hóa.

Văn bia do Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh - một nhân vật nổi tiếng xứ Đàng Trong thế kỷ XVIII - đứng tên soạn thuật. Sự điêu luyện trong hệ thống ngôn từ cũng như trong các hình thức nghệ thuật đặc trưng của cách hành văn

không những đóng góp vai trò không nhỏ cho việc khẳng định một nền văn học nghệ thuật Nam Hà đặc sắc, mà còn góp phần chứng tỏ vị thế quan trọng của ông trong chính trường triều Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát. Với tài năng uyên bác như vậy, Nguyễn Đăng Thịnh xứng đáng là bậc giảng sư cho chúa Vũ. Và cũng chính thông qua một số ý kiến biện luận xác đáng của ông, năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã chính thức xưng vương, lập nên một triều đình độc lập, tạo cán cân đối trọng so với triều đình Lê Trịnh ở Đàng Ngoài. Nhưng cho đến nay nhân vật lịch sử này vẫn chưa được quan tâm tìm hiểu thấu đáo. Hy vọng rằng trong thời gian tới, cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đăng Thịnh sẽ được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn để không những góp phần làm sáng tỏ vị thế quan trọng của ông trong lịch sử, mà còn giúp minh bạch một nền học thuật rất quan trọng ở Đàng Trong.

V V Q

CHÚ THÍCH

- (1) *Lưỡng phụng triều nguyệt*: đôi chim phụng châu mặt trăng. Đây là motif trang trí đặc trưng ở các ván bia vương phi thời chúa Nguyễn. Bên cạnh ván bia này, chúng ta còn bắt gặp motif này tại ván bia “*Cổ Quý tần tằng Chiêu Nghi Từ Mẫn Trần phu nhân mộ chí minh*”.
- (2) Ván bia bị mẻ mất khoảng 4 chữ nhưng do có niên canh Ất Sửu và niên hiệu Chính Hòa, có thể đoán định câu văn này diễn tả: Chiêu phi sinh năm Ất Sửu, niên hiệu Chính Hòa thứ 6 (1685).
- (3) *Tiền triều*: triều trước, ở đây chỉ triều đại trị vì của Minh Vương Nguyễn Phúc Chu (ở ngôi từ 1691 đến 1725).
- (4) Chúng tôi chưa tìm hiểu được *Tả Trung cơ Nhuận Trạch hầu* là người nào, xin được bổ sung khi có các tư liệu chính xác ở những bài viết sau.
- (5) Dịch từ *lục cung phấn đại* 六宮粉黛: các bậc nữ lưu xinh đẹp lộng lẫy trong nội cung. *Lục cung*: chỉ tẩm cung của hoàng hậu thời cổ đại. Lại nhân vì *lục cung* là nơi ở của hoàng hậu, nên lại được dùng để chỉ hoàng hậu. Đến đời Đường thì *lục cung* được dùng để chỉ nơi ở của cả hoàng hậu lẫn phi tần. Về sau, *lục cung* được dùng để chỉ cung điện của các phi tần. *Chính cung* 正宮 là cung của hoàng hậu, *Trữ cung* 儲宮 hay *Đông cung* 東宮 là cung của thái tử, *lục cung* là cung điện của các phi tần. *Phấn đại*: chỉ người phụ nữ trẻ xinh đẹp; Bạch Cư Dị đời Đường, trong tác phẩm *Trường hận ca* 長恨歌 có viết: “回眸一笑百媚生, 六宫粉黛无颜色 - Hồi mầu nhất tiếu bách mỹ sinh, *Lục cung phấn đại vô nhan sắc*” (Một cười trăm vẻ thiên nhiên/ Sáu cung nhan sắc thua hờn phấn son - Tần Đà dịch).
- (6) Dịch từ *bất chuyết thương canh* 不啜羹羹: điều hòa mọi việc, ý như khi nêm nấu, biết điều hòa chua ngọt mặn nhạt... vậy. Điển tích này bắt nguồn từ *Sổ từ* 楚辞, thiên *Đại chiêu*: “内鹁鸽鵒, 味豺羹只 - nội thương cấp hộc, vị sài canh chỉ”.
- (7) Dịch từ *quyển ác nhật thâm* 眷渥日深: yêu mến, ân sủng ngày càng sâu đậm. Thẩm Quát đời Tống trong bài *Tạ tử nhung phục biểu* 谢赐戎服表 có câu: *Cảm đồ phạp tài, quá thao quyển ác* - 敢图乏才, 过叨眷渥 - dám mong tôi ít tài lại nhận được nhiều ân sủng.
- (8) Dịch từ *quán ngư chi liệt* 贯鱼之列: coi sóc, quán xuyến mọi việc. Dùng cung nhân được sủng ái để cai quản hậu cung, khiến thuận lợi, yên ổn, không tranh giành, đổ kỵ. Điển tích này lấy từ *quế Bác* của *Kinh Dịch* (易): 六五, 贯鱼以宫人, 宠, 无不利 (Hào lục ngũ, quán xuyến cung nhân, vẻ vang tốt lành, không hề bị bất lợi).
- (9) Dịch từ *huy y chi sủng* 褱衣之寵. *Huy y* là trang phục dùng để tế tự của bậc mẫu nghi thiên hạ (hoàng hậu). *Chu lễ* 周礼, chương *Thiên quan*, mục *Nội ty phục* viết: “*Chuồng vương hậu chi lục phục huy y: du dịch, khuyết dịch, cúc y, triển y, duyên y, tố sa* 掌王后之六服褱衣: 掄狄、闕狄、鞠衣、展衣、缘衣、素沙 (Bậc chuồng vương hậu thì có 6 loại áo dùng cho tế tự gồm: *du dịch, khuyết dịch, cúc y, triển y, duyên y, tố sa*). Cho nên, *huy y chi sủng* là sự sủng ái như bậc mẫu nghi thiên hạ [hoàng hậu].
- (10) *Hải ốc tiên trù* 海屋仙筹: còn gọi là *hải ốc thêm trù* 海屋添筹, *hải ốc trù thêm* 海屋籌添. Đây là một tích cổ của Lão giáo, ý về chúc thọ. Sách *Tứ hiền ký, phó tuyển* 四贤记. 赴选 của người

- đời Minh (vô danh) có câu: “*đần cầu tha hải ốc thêm trừ, thù tri đạo đầu củng phi yên* - 但求他海屋添筹, 谁知道斗拱飞烟”.
- (11) Dịch từ *Bảo Vự* 寶婺: sao *Vự Nữ* 婺女星, mượn hình tượng sao này để chỉ nữ thần, cũng có khi dùng để chỉ người phụ nữ xinh đẹp mỹ miều. *Lý Thương Ẩn* đời Đường trong bài *Thất tịch ngẫu đề* 七夕偶題 có câu thơ rằng: “*Bảo Vự điều châu bội, Thường Nga chiếu ngọc luân* - 宝婺摇珠佩, 常娥照玉輪”(Sao *Vự Nữ* lay động ngọc bội, Thường Nga [mặt trăng] soi sáng bánh xe ngọc).
- (12) Dịch từ *lục như* 六如: còn gọi là *lục dụ* 六喻. Theo quan niệm của Phật giáo, đó là: *Mộng, huyễn, bào, ảnh, lộ, điện*. Ý nói thế sự hư ảo vô thường.
- (13) Dịch từ cụm từ *Hiên Hậu thừa long* 軒后乘龍: Điển cố về việc Hiên Hậu (Hoàng Đế họ Hiên Viên) cưỡi rồng bay về trời (xem chú thích *Phản nhiêm*). Ý chỉ Minh Vương Nguyễn Phúc Chu băng hà. Theo *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1995, tr. 151, chúa Nguyễn Phúc Chu băng vào ngày 21 tháng 4 năm Ất Tỵ (01 tháng 6 năm 1725).
- (14) Dịch từ *phản nhiêm phát đãi* 攀髯弗逮: không kịp theo “râu rồng”. *Phản nhiêm*: Điển cố, theo *Sử ký*, quyển 28, *Phong Thiển thư*, truyền thuyết rằng *Hoàng Đế (Hiên Hậu)* đúc đỉnh đồng dưới chân *Kinh Sơn*, đỉnh đồng được đúc xong, có con rồng bay xuống, *Hoàng Đế* cưỡi rồng bay lên trời, quần thần có 70 người leo lên thân rồng để theo *Hoàng Đế*. Các quần thần còn lại ở hậu cung không kịp leo lên thân rồng, nên vót vào “long nhiêm” (râu rồng), khiến râu rồng bị rơi xuống cùng chiếc cung của *Hoàng Đế*. Trăm họ bèn ôm chiếc cung của *Hoàng Đế* cùng râu rồng ấy mà khóc. Từ đó về sau, điển cố “long nhiêm” dùng để chỉ nỗi niềm ai điếu, xót thương vua chúa qua đời. Như vậy, *phản nhiêm phát đãi* ý nói Chiêu phi không kịp theo cùng Minh Vương.
- (15) *Từ Huệ* 徐惠 (627-650): phi tần được Đường Thái Tông (Lý Thế Dân) rất yêu quý.
- (16) *Chiêu lăng* là một khu lăng mộ nổi tiếng, do Đường Thái Tông kiến tạo vào năm 636, nơi *Hiên phi Từ Huệ* được bồi táng sau khi bà qua đời.
- (17) *Thận phu nhân* 慎夫人: họ Thận, không rõ gia thế và năm sinh, năm mất. Bà là phi tần được Hán Văn Đế Lưu Hoàn rất sủng ái.
- (18) Dịch từ *lục nga* 蓼莪: một thiên trong *Tiểu nhĩ* của *Kinh Thi*. Ý chỉ về ân đức cù lao của cha mẹ. Tô Thức đời Tống trong bài *Tạ sinh nhật thi khải* 谢生日诗启 có câu: “*lục nga chi cảm, đãi suy lão nhi bất vong* - 蓼莪之感, 迨衰老而不忘”.
- (19) Dịch từ *Đại thái* 大蔡: tức một loại rùa thần to lớn (thần quy). Sách *Hoài Nam Tử* chương *Thuyết sơn xuyên* có câu: *Đại thái thần quy, xuất ư câu hác* - 大蔡神龟, 出於沟壑 (rùa thần Đại thái, từ hốc núi mà hiện ra).
- (20) *Viên Kiệu* 圓嶠: theo truyền thuyết, *Viên Kiệu* là núi tiên ở; thường chỉ vùng đất ở của những ẩn sĩ, thần tiên. Viên Tông Đạo đời Minh trong tác phẩm *Đối tri huyện Lưu công mộ chí minh* 封知县刘公墓志铭 có câu: *Bất đắc vu vũ, khứ nhi thần tiên, tam biến nhập đạo, bổng lai Viên Kiệu, hạ thị trâm tổ, bất mãn nhất tiếu* - 不得于武, 去而神仙, 三变入道, 蓬萊圓嶠, 下視簪组, 不满一笑.
- (21) *Châu Hậu Tuyển* 候選州: tức là *châu Trực Lệ* 直隸州, một đơn vị hành chính ở địa phương thời Minh, Thanh. *Châu Hậu Tuyển (châu Trực Lệ)* tương đương với *phủ* 府, thuộc Thừa tuyên Bố Chính Sứ Ty 承宣布政使司 kiêm quản. Theo quy định của khu vực hành chính đời Thanh, *châu Hậu Tuyển* đồng cấp với *phủ* và *sảnh Trực Lệ* 直隸廳.
- (22) *Tư Mã Trần Phu Lộc* 司馬陳夫祿: Chúng tôi chưa tra cứu được danh tính, nguồn gốc của nhân vật viết chữ trên bia này. Theo chúng tôi tạm đoán, vị đó họ *Tư Mã*, tên húy *Trần*, tên tự/ hoặc hiệu *Phu Lộc*. Bởi, mặc dù *Tư Mã* còn có thể là chức quan, nhưng lại là một trong những chức quan đứng đầu triều đình (thuộc *Tam công, Lục khanh*; chẳng hạn như ngũ quan [5 chức quan đầu triều] thời Tây Chu gồm *Tư mã, Tư đồ, Tư không, Tư sĩ, Tư khấu*). Ở đây, người viết chữ chỉ là *Thái học sinh* trường Quốc Tử Giám, nên không thể đảm nhiệm chức quan đầu triều được. Bởi vậy, chúng tôi mạnh dạn đoán vị này là *Tư Mã Trần*, tự/hiệu *Phu Lộc*.
- (23) Theo *Nguyễn Đăng tộc giả* (bản chữ Hán, hiện lưu trữ tại nhà thờ Nguyễn Đăng gốc Trịnh ở làng An Hòa, phường An Hòa, thành phố Huế) thì ngài *Đặc tiến Triều nghị Đại phu Nguyễn*

Đặng Trĩ có 5 người con trai gồm: *Nguyễn Đăng Toại, Nguyễn Đăng Đường, Nguyễn Đăng Hán, Nguyễn Đăng Thịnh, Nguyễn Đăng Tiến* cùng 1 gái tên *Yến*. Như vậy, *Nguyễn Đăng Thịnh* là con trai thứ 4 của ngài *Đặng Trĩ* và bà thứ phối họ *Nguyễn*.

- (24) Theo *Nguyễn Đăng tộc giả*, Khai quốc công thần Tân Minh hầu *Nguyễn Cư Trinh* (*Nguyễn Đăng Nghị*) là con trai thứ 7 của ông *Nguyễn Đăng Đệ* (*Nguyễn Đăng Đệ* là em ông *Nguyễn Đăng Trĩ*) cùng bà thứ phối *Ngô Thị Liên*.
- (25) *Quốc Sử Quán triều Nguyễn* (2006), *Đại Nam liệt truyện, Tập 1, Tiền biên* (bản dịch Đỗ Mộng Khương, tái bản lần thứ 2), Nxb Thuận Hóa, tr. 161.
- (26) Theo sử sách và những văn bản hiện tồn có liên quan, thơ văn của *Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh* được tập hợp trong các tập gồm *Hiệu Tân thi tập, Chuyết Trai thi tập, Chuyết Trai vịnh sử tập*.
- (27) Phần mỹ thuật thời chúa *Nguyễn* qua lăng mộ *Chiêu phi* được chúng tôi trình bày cụ thể tại sách *Mỹ thuật thời chúa Nguyễn: Dẫn liệu từ di sản lăng mộ* do *Nguyễn Hữu Thông* chủ biên, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2014.

TÓM TẮT

Từ trước đến nay, khi đề cập đến tư liệu văn bia hiện tồn liên quan trực tiếp đến dòng họ chúa *Nguyễn* ở *Đàng Trong*, các nhà nghiên cứu chỉ biết đến văn bia về bà *Chiêu Nghi Trần Thị Xạ* - phi tần của *Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát*. Vừa qua, chúng tôi đã phát hiện thêm văn bia “*Tiền triều Nguyễn Chiêu phi Liệt phu nhân mộ chí minh*” do *Lễ Bộ* kiêm *Lại Bộ* *Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh* biên soạn, kể về *Chiêu phi Nguyễn Thị Ngọc Liên* (1685-1725) - vị phi tần yêu quý của *Minh Vương Nguyễn Phúc Chu* (ở ngôi 1691-1725). Đây là bài văn bia rất giá trị, cung cấp nhiều thông tin hữu ích, góp phần không nhỏ cho quá trình nghiên cứu về lịch sử, văn học cũng như về các lĩnh vực kiến trúc, mỹ thuật... thời chúa *Nguyễn* ở *Nam Hà*. Đồng thời, văn bia này đã bổ sung thêm tư liệu thực tế nhằm góp phần tìm hiểu về sự nghiệp trước tác của *Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh* - một nhân vật nổi tiếng ở *Đàng Trong*.

ABSTRACT

ANOTHER PRECIOUS DOCUMENT UNDER THE NGUYỄN LORDS:

EPITAPH ON THE TOMBSTONE OF THE ROYAL CONCUBINE NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN

Until now, when referring to the existing epitaphs directly related to the *Nguyễn* Lords in *Cochinchina*, researchers only mention the epitaph on *Trần Thị Xạ* - the royal concubine of *Lord Nguyễn Phúc Khoát*. Recently, we have discovered the inscription of “*Tiền triều Nguyễn Chiêu phi Liệt phu nhân mộ chí minh*” [Epitaph on the tombstone of the Royal Concubine of the early *Nguyễn* Lord] written by *Hương Danh* marquis *Nguyễn Đăng Thịnh*, the Minister of Rites and the Interior, telling about the royal concubine *Nguyễn Thị Ngọc Liên* (1685-1725) - the beloved concubine of *Lord Nguyễn Phúc Chu* (reigning over *Cochinchina* from 1691 to 1725). This is a very valuable epitaph with useful information, making a significant contribution to the study of history, literature as well as architecture, art, etc... in the time of *Nguyễn* Lords in *Cochinchina*. Besides, this epitaph helps to support factual materials in learning about the career of *Hương Danh* marquis *Nguyễn Đăng Thịnh*, a well-known figure in *Cochinchina*.